

Phụ lục 1

Các khoản thu và mức thu đối với các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm học 2025-2026

(Kèm theo Công văn số /SGDDĐT-KHTC ngày tháng năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức tối đa đối với Nhóm 1				Mức tối đa đối với Nhóm 2			
			Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Mầm non	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Dịch vụ tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh bán trú	đồng/học sinh/tháng	550.000	350.000	300.000	250.000	500.000	320.000	280.000	230.000
2	Dịch vụ phục vụ ăn sáng	đồng/học sinh/tháng	220.000	60.000			200.000	50.000		
3	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trước và sau giờ học chính khóa, không bao gồm tiền ăn)	đồng/học sinh/giờ	12.000				11.000			
4	Dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng ngoài giờ (bao gồm dịch vụ trông giữ trong các ngày nghỉ, không bao gồm các ngày lễ tết, không bao gồm tiền ăn)	đồng/học sinh/ngày	128.000				120.000			
5	Dịch vụ khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	đồng/học sinh/năm	70.000	60.000	50.000	50.000	65.000	55.000	45.000	45.000
6	Dịch vụ sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì máy lạnh, chi phí thuê máy lạnh nếu có)									
6.1	Đối với lớp đã được trang bị sẵn máy lạnh	đồng/học sinh/tháng	50.000	45.000	35.000	35.000	50.000	45.000	35.000	35.000
6.2	Đối với lớp có nhu cầu sử dụng nhưng chưa có máy lạnh, phải đi thuê	đồng/học sinh/tháng	110.000	110.000	95.000	95.000	100.000	100.000	90.000	90.000
7	Dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	đồng/học sinh/tháng	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000	110.000
8	Dịch vụ đưa rước trẻ, học sinh bằng xe ô tô									
8.1	Tuyến đường dưới 5km	đồng/học sinh/km	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000	10.000
8.2	Tuyến đường từ 5km trở lên	đồng/học sinh/km	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000
9	Dịch vụ ký túc xá tại các cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức nội trú	đồng/học sinh/tháng				150.000				

Ghi chú:

1. Phân loại nhóm:

+ Nhóm 1: Trẻ em, học sinh, học viên học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn phường.

+ Nhóm 2: Trẻ em, học sinh, học viên học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã, đặc khu.

2. Tất cả các khoản thu tại Phụ lục này phải xây dựng Dự toán thu - chi theo quy định tại khoản 2 Điều 3 "Cơ chế quản lý thu chi" của Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND

3. Các khoản thu và mức thu đối với cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục công lập khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông:

Áp dụng mức thu các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục tương đương với mức thu của cơ sở giáo dục phổ thông công lập cùng cấp học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Giải thích từ ngữ:

Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số: gồm số liên lạc điện tử, phần mềm quản lý thẻ, phần mềm học trực tuyến...